

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TH
TỈNH TH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **505/2021/HSST**
Ngày: 29/ 9/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH TH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thanh Vân

2. Ông Nguyễn Ngọc Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 523/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 516/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Tuấn A, tên gọi khác: Không; Sinh năm 1992 tại TH; Nơi cư trú: Tổ x, phường Q, thành phố TH, tỉnh TH; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1964 và con bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1971; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Như Mx, sinh năm 1997 và chưa có con; Tiền sự: Không;

Tiền án: Tại bản án số 385/2020/HSST ngày 07/12/2020 của Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố HN xử phạt 06 tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”. Bị cáo chưa chấp hành.

Nhân thân:

+ Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5922/QĐ-XPVPHC ngày 22/9/2016, Công an thành phố TH xử phạt số tiền 200.000 về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”. Đã nộp phạt ngày 30/9/2016.

+ Ngày 01/3/2021, Công an thành phố TH khởi tố Nguyễn Tuấn A về tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố TH. Bị cáo bị bắt từ ngày 31/5/2021 cho đến nay. *(Có mặt tại phiên tòa).*

2. Phạm Văn H, tên gọi khác: Không; Sinh năm 1993 tại Hưng Yên; Nơi ĐKKHKT: Thôn M, xã V, huyện Y, tỉnh H; Chỗ ở hiện nay: Xóm y, xã Q, thành

phố TH, tỉnh TH; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông Phạm Văn H2, sinh năm 1969 và con bà Vũ Thị V1, sinh năm 1969; Bị cáo có vợ là Lý Thị X, sinh năm 1994 và có 01 con sinh năm 2018; Tiền án: Không;

Tiền sự: Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 60841/QĐ-XPVPHC ngày 21/01/2021, Công an thành phố TH xử phạt số tiền 1.500.000đồng về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Nộp phạt ngày 25/3/2021.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố TH. Bị cáo bị bắt từ ngày 20/7/2021 cho đến nay. *(Có mặt tại phiên tòa)*.

3. Lương Tiến D, tên gọi khác: Không; Sinh năm 1992 tại TH; Nơi cư trú: Tổ z, phường T, thành phố TH, tỉnh TH; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông Lương Hữu K, sinh năm 1964 và con bà Tô Thị T1, sinh năm 1964; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không;

Tiền sự: Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 39462/QĐ-XPVPHC ngày 11/01/2020, Công an thành phố TH xử phạt số tiền 2.500.000đồng về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác”. Chấp hành xong ngày 24/6/2021.

Nhân thân: Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 34624/QĐ-XPVPHC ngày 08/11/2018, Công an phường T1, thành phố TH xử phạt số tiền 750.000đồng về hành vi “Ném đá vào nhà người khác”. Chấp hành xong ngày 17/01/2019.

Bị tạm giam từ ngày 23/7/2021 đến ngày 10/9/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương *(Có mặt tại phiên tòa)*.

* *Bị hại:* Anh Trần Thanh T, sinh năm 1998 - Trú tại tổ f, phường C, thành phố TH, tỉnh TH *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Đoàn Thị C, sinh năm 1969 - trú tại tổ f, phường C, thành phố TH, tỉnh TH *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

* *Người làm chứng:*

1. Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1996 - Trú tại tổ f, phường C, thành phố TH, tỉnh TH (Vắng mặt)

2. Chị Lê Thị Thu P2, sinh năm 1977 - Trú tại tổ N, phường H, thành phố TH, tỉnh TH (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 12 năm 2019, anh Trần Thanh T (sinh năm 1998 - Trú tại tổ f, phường C, thành phố TH) có vay tiền của quầy “Hoàng P” ở gần trường Đại học Nông lâm TH nhưng anh T chưa trả. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 27/01/2021, anh T đang ngồi chơi điện tử tại quán “Thu P1” thuộc tổ N, phường H, thành phố TH thì có Nguyễn Tuấn A đi xe mô tô nhãn hiệu Visson đến quán. Sau đó Tuấn A đi đến chỗ anh T ngồi rồi dùng tay trái cầm mũ bảo hiểm loại mũ nửa đầu đánh vào đầu T một cái rồi kéo T đi ra ngoài cửa quán rồi dùng chân, tay không đánh T nhiều cái vào vùng mặt, đầu và người. Lúc này, T ngồi xuống đất, Tuấn A gọi điện cho Phạm Văn H đến để hỗ trợ. H đồng ý và gọi điện cho Lương Tiến D đi cùng (H và D đều làm cùng tại quầy cầm đồ Hoàng P). Sau đó, H điều khiển xe ô tô nhãn hiệu KIA Morning màu trắng, biển kiểm soát 20A -075.xx chở D đến chỗ Tuấn A. Khi đến nơi H, D nhìn thấy Tuấn A đang dùng tay giữ anh T và dùng chân đá vào mặt T. Thấy vậy, D cũng lao vào dùng chân, tay không đánh anh T cùng với Tuấn A khiến anh T bị ngã ra đường. Lúc này, H bảo với Tuấn A và D đưa T lên ô tô, anh T đứng dậy xin và bỏ chạy thì Tuấn A và D giữ T lại, H dùng tay trái cản T lại. Tuấn A và D tiếp tục dùng chân, tay không đánh anh T rồi Tuấn A dùng tay trái Tm cổ áo kéo anh T lên xe, D dùng tay phải cầm bắp tay trái của anh T đẩy anh T lên xe ô tô. Sau đó, Tuấn A quay ra cửa quán “Thu Phương” lấy xe mô tô về trước còn H điều khiển xe ô tô chở D và anh T đi. Trên đường đi, H có bảo anh T gọi điện về cho người nhà mang tiền đến trả cho H. Anh T gọi điện thoại cho vợ là Nguyễn Thị P (sinh năm 1996 - trú tại tổ f, phường C, thành phố TH) để nói về việc trả tiền nợ rồi anh T bảo H đến sân nhà văn hóa của Công ty Gang thép TH để lấy tiền. H điều khiển xe ô tô đi đến khu vực trên, trên đường đi H có hỏi anh T về việc anh T nợ tiền thì phải trả tiền mỗi tháng trả 3.000.000đồng. Lúc này T có mang theo 1.000.000đ nên anh T đã tự nguyện đưa trước cho H số tiền trên. Khi gặp vợ anh T, H có nói đến chuyện T nợ tiền thì chị P nói không mang theo tiền nên H có bảo chuyển vào tài khoản cho H, chị P đồng ý. H cho số tài khoản rồi bảo anh T xuống xe, còn H chở D về nhà. Số tiền 1.000.000đồng anh T đưa cho H thì Tuấn A và D không biết.

Sau khi sự việc xảy ra, ngày 28/01/2021 bà Đoàn Thị C (mẹ đẻ của anh T) đã làm đơn trình báo Công an phường H, thành phố TH đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Tuấn A, Phạm Văn H, Lương Tiến D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Anh Trần Thanh T trình bày: Do T có vay số tiền 25.000.000đ của quầy “Hoàng P” ở gần trường Đại học Nông Lâm TH từ tháng 12/2019 nhưng không trả đúng hạn. Ngày 27/01/2021 khi T đang ngồi chơi trong quán điện tử “Thu P1” thì Tuấn A đi đến rồi cầm mũ bảo hiểm loại nửa đầu đánh T, rồi kéo T ra ngoài cửa quán. Khi H điều khiển xe ô tô đến cùng với D đến thì H, Tuấn A và D ép T lên xe. Việc T lên xe là do trước đó đã bị Tuấn A và D đánh nên tinh thần hoảng sợ bất

buộc phải đi theo. Khi ở trên xe ô tô, H có bảo T thu xếp mỗi tháng trả số tiền 3.000.000đồng và bảo T gọi điện cho người nhà đến trả tiền. T có gọi cho vợ là Nguyễn Thị P và hẹn gặp ở sân nhà văn hóa công nhân Công ty Gang thép TH. Đồng thời, T nhớ trong túi có số tiền 1.000.000đồng nên đã tự nguyện đưa trả cho H. Khi chị P đến và đồng ý trả tiền cho H qua tài khoản thì H cho T xuống xe để về nhà.

Vật chứng của vụ án: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning, màu trắng, BKS: 20A-075.xx. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Trần Anh P2 – trú tại xóm T, xã Q, thành phố TH. Anh P2 cho H mượn chiếc xe trên nhưng không biết H sử dụng vào việc phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TH đã trả lại chiếc xe trên cho anh P2 quản lý và sử dụng.

Hành vi của Nguyễn Tuấn A và Lương Tiến D dùng tay, chân không gây thương tích cho anh Trần Thanh T bị sung nề cung mảy trái kích thước 3cm; vùng đỉnh đầu đau, sung nề kích thước 04cm; vùng ngực trái bị đau tức; mu bàn chân phải bị chảy máu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TH đã ra Quyết định trưng cầu giám định sức khỏe để xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể nhưng anh T vắng mặt ở địa phương và không đi giám định nên cơ quan điều tra chưa có căn cứ xử lý đối với Nguyễn Tuấn A và Lương Tiến D.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, có 01 người tên là M (không rõ lai lịch địa chỉ) đã đến gặp T để bồi thường cho các bị cáo, bà Đoàn Thị C đã nhận thay cho T số tiền 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*).

Tại bản cáo trạng số 526/CT-VKSTPTN ngày 10/9/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH đã truy tố Nguyễn Tuấn A, Phạm Văn H và Lương Tiến D về tội: “*Bắt người trái pháp luật*” theo khoản 1 Điều 157 BLHS.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Phạm Văn H và Lương Tiến D khai nhận: Do Trần Thanh T vay tiền của quầy cầm đồ “Hoàng P” nhưng không trả đúng hẹn mà còn bỏ trốn. Nên khi tìm thấy T, Tuấn A bức xúc và đánh T chứ không có mục đích đánh T từ trước để bắt T trả tiền. Khi đánh T, Tuấn A cũng không yêu cầu T phải giao tiền hay tài sản gì ngay. Khi H cùng D đi đến, thấy Tuấn A đang giằng co với T nên D xông vào đánh chứ không có mục đích chiếm đoạt tài sản của T vì T không vay tiền của D. H không tham gia vào việc đánh T, không biết lý do Tuấn A và D đánh T. Sau đó, H bảo Tuấn A và D đưa T lên xe ô tô, T hoảng sợ bỏ chạy thì Tuấn A, H, D giữ lại. Tuấn A dùng tay trái túm cổ áo T kéo lên xe còn D dùng tay phải cầm bắp tay trái của T đẩy T lên xe ô tô. Tuấn A ra lấy xe mô tô đi về trước, còn H điều khiển xe ô tô chở T và D đi. Trên đường đi H có bảo T gọi điện cho người nhà mang tiền đến trả nợ cho H. T gọi điện cho vợ và hẹn đến khu vực Nhà văn hóa công nhân Công ty G để vợ T trả tiền. Lúc này, T nhớ có mang theo 1.000.000đồng nên T đã tự nguyện đưa cho H. Khi gặp vợ T, H nói về việc trả tiền nợ cho T, chị P đồng ý nhưng không mang theo tiền nên H bảo

chuyển vào tài khoản cho H, rồi cho anh T xuống xe, còn H và D đi về. Số tiền 1.000.000đồng H không nói cho Tuấn A và D biết.

Trong lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Phạm Văn H, Lương Tiến D phạm tội “*Bắt người trái pháp luật*”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tuấn A từ 12 đến 15 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn H, Lương Tiến D mỗi bị cáo từ 08 đến 09 tháng tù

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không tranh luận, thừa nhận việc truy tố và xét xử các bị cáo về tội “*Bắt người trái pháp luật*” là không oan, đúng người, đúng tội.

Phần lời nói sau cùng các bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình, xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng của các cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, đơn trình báo, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: Do anh Trần Thanh T vay số tiền 25.000.000đ từ tháng 12/2019 tại quầy “Hoàng P” (nơi Nguyễn Tuấn A, Phạm Văn H và Lương Tiến D làm thuê) không trả đúng hạn còn bỏ trốn. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 27/01/2021 tại quán điện tử “Thu P1” thuộc tổ N, phường H, thành phố TH, Tuấn A có hành vi dùng mũ bảo hiểm và chân tay không đánh nhiều cái vào anh T và hỏi về số tiền mà anh T đã vay, sau đó gọi cho Phạm Văn H. Khi H và D đến, thấy Tuấn A và T đang giằng co thì D xuống xe trước dùng chân, tay không tham gia đánh anh T.

Còn H bảo Tuấn A và D đưa anh T lên xe ô tô, anh T sợ nên đứng dậy xin rồi bỏ chạy thì Tuấn A, D, H giữ lại. Tuấn A tiếp tục dùng chân tay đánh anh T, đồng thời Tuấn A dùng tay trái Tm cổ áo kéo T lên xe, D dùng tay phải cầm bắp tay trái của T đẩy T lên xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning BKS 20A -075.xx. Sau đó Tuấn A ra lấy xe mô tô đi về trước, còn H điều khiển xe ô tô chở T và D đi đến sân nhà văn hóa công nhân Công ty G để gặp vợ T nói về việc T nợ tiền. Trên đường đi T có tự nguyện đưa cho H 1.000.000đ nói là trả trước. Khi gặp chị P là vợ anh T, chị P đồng ý trả tiền cho T thì H có cho chị P số tài khoản và H, D cho anh T xuống xe đi về.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Phạm Văn H và Lương Tiến D đã phạm vào tội: “*Bắt người trái pháp luật*”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Nội dung điều 157 quy định: “*1. Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 377 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH truy tố Nguyễn Tuấn A, Phạm Văn H và Lương Tiến D về tội “*Bắt người trái pháp luật*” theo khoản 1 Điều 157 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội là ít nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến sức khỏe của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy cần phải có hình phạt nghiêm cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục cải tạo đối với các bị cáo và ngăn ngừa tội phạm nói chung.

Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, không có tổ chức, không có sự bàn bạc phân công khi thực hiện hành vi phạm tội. Do đó các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội do các bị cáo gây ra.

[4] Xét về nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy:

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Tuấn A, Phạm Văn H, Lương Tiến D được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại*”, “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Văn H, Lương Tiến D được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”, quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, bị cáo Phạm Văn H đầu thú, xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Tuấn A phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52

BLHS. Bị cáo Phạm Văn H, Lương Tiến D không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS.

Hội đồng xét xử xét thấy: Xuất phát từ việc bị hại nợ tiền nhưng không trả đúng hạn còn bỏ trốn, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã tác động đến bạn bè tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*), gia đình bị hại đã nhận số tiền trên, bị hại không yêu cầu bồi thường gì khác. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về vật chứng vụ án:

+ 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning, màu trắng, BKS: 20A-075.xx. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Trần Anh P2 – trú tại xóm T, xã Q, thành phố TH. Anh P2 cho H mượn chiếc xe trên nhưng không biết H sử dụng vào việc phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TH đã trả lại chiếc xe trên cho anh P2 quản lý và sử dụng.

+ 01 USB được lưu theo hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí, quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án hình sự sơ thẩm. Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Về các vấn đề khác:

+ Đối với hành vi gây thương tích cho anh Trần Thanh T, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TH đã ra Quyết định trưng cầu giám định sức khỏe để xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh T. Tuy nhiên cơ quan điều tra đã triệu tập nhiều lần nhưng anh T không đến làm việc và không đi giám định. Vì vậy, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TH tiếp tục làm rõ xử lý sau đối với Nguyễn Tuấn A và Lương Tiến D.

+ Đối với anh Trần Anh P2 là người cho H mượn chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning, màu trắng, BKS 20A-075.xx. Quá trình điều tra xác định anh P2 không biết H sử dụng xe để thực hiện tội phạm. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TH không có căn cứ để xử lý.

+ Hành vi Phạm Văn H nhận số tiền 1.000.000đồng (Một triệu đồng) là do Trần Thanh T tự nguyện đưa, H không có hành vi cưỡng ép, đe dọa T phải đưa. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TH không xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 326 bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Phạm Văn H và Lương Tiến D phạm tội "*Bắt người trái pháp luật*".

2. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/5/2021.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 BLHS: Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2021.

Căn cứ vào Điều 329 BLTTHS: Quyết định tạm giam các bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 BLHS: Xử phạt bị cáo Lương Tiến D 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành bản án. Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/7/2021 đến ngày 10/9/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp vào Ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- VKSND thành phố TH;
- Công an thành phố TH;
- Chi cục THADS TP. TH;
- Sở tư pháp tỉnh TH;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- THAHS;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thanh Trúc